

Nậm Kè, ngày 03 tháng 9 năm 2025

Số: 08/KH-THNK1

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026

Căn cứ Quyết định 181/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Nậm Kè;

Căn cứ công văn số 2616/SGDĐT- GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Trường PTDT bán trú Tiểu học Nậm Kè số 1 xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm học 2025-2026 trường PTDT bán trú Tiểu học Nậm Kè số 1 có:

- Tổng số CB,GV,NV: 36 đồng chí; Nữ: 25; Dân tộc: 14. Trong đó:
 - + Ban giám hiệu: 03 đồng chí; Giáo viên: 27 đồng chí; Nhân viên: 06 đồng chí.
 - + Tỷ lệ học sinh/lớp đạt 21,8.
 - + Tỷ lệ giáo viên/lớp, đạt tỷ lệ 1,5%.
- Trình độ đào tạo: Đại học: 34; Cao đẳng: 0; Trung cấp: 01; Chưa qua đào tạo: 01.
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 03; Sơ cấp: 02.
- Chi bộ Đảng: 27 đảng viên (Trong đó có đồng chí Hoàng Văn Đạt đang sinh hoạt tại chi bộ Huổi Khon 1).
- Đoàn Thanh niên: 06 đoàn viên.
- Đội viên: 185/6 lớp; Nhi đồng: 208/12lớp.
- Tổ chuyên môn: 04 tổ, trong đó: 01 tổ văn phòng.
- Tổng số lớp, học sinh cụ thể như sau:

Khối lớp	Số lớp	Học sinh		
		Tổng	Nữ	Dân tộc
Lớp 1	3	53	30	49
Lớp 2	6	83	39	76
Lớp 3	3	72	40	69
Lớp 4	3	99	41	91
Lớp 5	3	86	42	83
Cộng	33	393	192	368

- Cơ sở vật chất:

+ Trường có tổng diện tích: 10.208m² (bình quân 26m²/1 học sinh); Diện tích sân chơi: 4360m²

+ Tổng số phòng học 27 phòng. Các phòng chức năng, gồm có: 01 phòng BGH, 01 phòng hành chính, 01 phòng truyền thống Đội, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng thư viện - thiết bị, 01 phòng kho.

+ Các công trình phụ trợ: Nhà vệ sinh (riêng CBGV và riêng HS), nhà bếp, nhà ăn, tường rào bao quanh,... đáp ứng sinh hoạt và các hoạt động diễn ra trong nhà trường an toàn.

+ Các thiết bị đồ dùng, sách giáo khoa cơ bản đáp ứng cho nhu cầu dạy và học trong năm học.

+ Toàn bộ các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng được kết nối trực tiếp mạng Internet.

1. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Nậm Kè, sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, sự phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong xã.

Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên đoàn kết, ham học hỏi, trình độ dần được nâng lên, nhiều giáo viên trẻ nhiệt tình trong công tác, tạo động lực cho sự phát triển của nhà trường.

Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và những biện pháp giáo dục của nhà trường.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đãi ngộ đối với giáo viên vùng khó khăn, chính sách cho học sinh dân tộc, học sinh con hộ nghèo, học sinh bán trú...

Công tác xã hội hoá giáo dục đang dần được quan tâm và từng bước được nâng lên. Người dân đã chủ động đưa con em ra trường ra lớp, không còn tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học một cách thường xuyên.

2. Khó khăn

Trình độ dân trí của nhân dân trên địa bàn trường chưa đồng đều. Việc quan tâm, tạo điều kiện cho trẻ đi học của một bộ phận gia đình học sinh chưa tốt.

Đội ngũ giáo viên vẫn còn thiếu so với quy định đặc biệt là giáo viên chuyên. Việc đổi mới phương pháp dạy học của một bộ phận giáo viên và học sinh chưa linh hoạt, sáng tạo.

Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, còn thiếu phòng làm việc của BGH và các phòng chức năng, vẫn còn phòng học tạm, thiết bị dạy học chưa đồng bộ.

Diện tích sân trường nhỏ, hẹp, cây xanh chưa có nhiều bóng mát nên còn nắng nóng khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động ngoài trời.

Một số chế độ đãi ngộ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn chưa phù hợp và kịp thời.

3. Những kết quả đạt được của năm học trước

3.1. Việc duy trì số lượng học sinh

Năm học 2024-2025 nhà trường kết hợp chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường làm tốt công tác giữ vững và duy trì sĩ số học sinh. Đầu năm: 413 HS. Cuối năm: 414 HS. Tăng 01 học sinh (do học sinh chuyển đến).

3.2. Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

a) Đánh giá theo năng lực

* Tổng số học sinh: 409/414 học sinh (5 học sinh khuyết tật học hoà nhập không đánh giá).

T T	Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Năng lực tự chủ và tự học	165	40,3	244	59,7	0	0
2	Năng lực giao tiếp và hợp tác	164	40,1	245	59,9	0	0
3	Năng lực GQ vấn đề và sáng tạo	160	39,1	249	60,9	0	0
4	Năng lực ngôn ngữ	164	40,1	245	59,9	0	0
5	Năng lực tính toán	174	42,5	235	57,5	0	0
6	Năng lực khoa học	174	42,5	235	57,5	0	0
7	Năng lực thẩm mỹ	160	39,1	249	60,9	0	0
8	Năng lực thể chất	163	39,9	246	60,1	0	0
9	Tin học	104	25,4	155	74,6	0	0
10	Công nghệ	107	26,2	152	73,8	0	0

b) Đánh giá theo phẩm chất

* Tổng số học sinh: 409/414 học sinh (5 học sinh khuyết tật học hoà nhập không đánh giá).

TT	Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Yêu nước	212	51,8	197	48,2	0	0
2	Nhân ái	208	50,9	201	49,1	0	0
3	Chăm chỉ	193	47,2	216	52,8	0	0
4	Trung thực	198	48,4	211	51,6	0	0
5	Trách nhiệm	182	44,5	227	55,5	0	0

c) Chất lượng hai môn Toán, Tiếng Việt

Tổng số 414 học sinh, tham gia đánh giá 409 học sinh, 5 học sinh khuyết tật không tham gia đánh giá.

TT	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%

1	Tiếng Việt	160	39,1	249	60,9	0	0
2	Toán	179	43,8	230	56,2	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm

* Tổng số học sinh: 414/414 học sinh

Hoàn thành Xuất sắc	Tỷ lệ %	Hoàn thành tốt	Tỷ lệ %	Hoàn thành	Tỷ lệ %	Chưa hoàn thành	Tỷ lệ %
66	16,1	91	22,2	252	61,7	0	0

- Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện 66/409 đạt 16,1%

- Học sinh tiêu biểu về môn học 91/409 đạt 22,2%

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp 326/326 đạt 100%

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 87/87 đạt 100%

3.3. Chất lượng đội ngũ

* Xếp loại chuyên môn

- Giỏi 14/27 đạt 51,9%; Khá 13/27 đạt 48,1%; Đạt yêu cầu 0 đạt 0%

* Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVTH

- Loại Tốt: 21/27 giáo viên đạt 77,8%; Khá 5/27 giáo viên đạt 18,5%; Đạt 1/27 giáo viên đạt 3,7%; Chưa đạt 0.

- Giáo viên dạy giỏi các cấp

- Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia: 0

- Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 0

- Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện 10/27 giáo viên đạt 37%;

- Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp trường 14/27 giáo viên đạt 51,9%;

3.4. Xếp loại thi đua năm học 2024-2025

* Danh hiệu thi đua

- Tập thể Trường:

+ UBND huyện công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

- Cá nhân:

+ UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 01/35 cá nhân, đạt 2,9%.

+ UBND huyện công nhận danh hiệu CSTĐCS cho 06/35 cá nhân, đạt 17,1%.

+ UBND huyện tặng Giấy khen cho 7/35 cá nhân, đạt 20%.

+ UBND huyện công nhận danh hiệu LĐTT cho 33/35 cá nhân, đạt 94,3%.

- Công đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Chi Đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Liên Đội đạt danh hiệu: Liên đội mạnh cấp huyện.

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026

1. Quy mô trường, lớp học sinh

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện				Tăng giảm so với năm học trước	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Tỷ lệ	Số HS	Tỷ lệ %	Số lớp	Số HS
1	3	53	3	100	53	100	-3	-30
2	6	83	6	100	83	100	+3	+15
3	3	72	3	100	72	100	0	-22
4	3	99	3	100	99	100	0	+17
5	3	86	3	100	86	100	0	-1
Tổng	18	393	18	100	393	100	0	21

+15

Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 53/53 đạt 100%

Phổ cập GDTH: Số HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 em đạt 100%.

2. Chất lượng học sinh (Phẩm chất, năng lực, các môn học và các hoạt động giáo dục)

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2.1. Chất lượng hai môn Toán, Tiếng Việt

TT	Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	137	35,1	249	63,3	4	1
2	Toán	148	38	238	61	4	1

2.2. Kết quả giáo dục cuối năm

Tổng số 393 học sinh, tham gia đánh giá 393 học sinh, 03 học sinh khuyết tật không tham gia đánh giá.

Khối lớp	TSHS được đánh giá	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
		Tổng số	Tỉ lệ %	Tổng số	Tỉ lệ %	Tổng số	Tỉ lệ %	Tổng số	Tỉ lệ %
1	52	9	17,3	12	23,1	31	59,6	0	0
2	83	17	20,5	16	19,3	50	60,2	0	0
3	72	12	16,7	16	22,2	42	58,3	2	2,8
4	98	14	14,5	16	16,5	66	67	2	2
5	85	10	11,8	14	16,5	61	71,8	0	0
Cộng	390	62	15,9	74	19	250	64,1	4	1

* Tỉ lệ chuyên lớp: 303/307 em, tỷ lệ 98,7%

* Hoàn thành chương trình tiểu học: 86/86 em, tỷ lệ 100%.

2.3. Chỉ tiêu Khen thưởng cuối năm

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TS học sinh được khen thưởng		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/HS tiêu biểu HTT	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	53	21	40,3	9	17,3	12	23,0
2	83	33	39,8	17	20,5	16	19,3
3	72	28	38,9	12	16,7	16	22,2
4	99	30	31	14	14,5	16	16,5
5	86	24	28,2	10	12,7	14	17,7
Tổng cộng	390	136	34,6	62	15,8	74	18,8

2.4. Tỉ lệ số lớp, học sinh Vở sạch, viết chữ đẹp

* Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 13 lớp. Trong đó:

- Khối 1: 2/3 lớp, đạt 66,7%;
- Khối 2: 3/6 lớp, đạt 50%;
- Khối 3: 3/3 lớp, đạt 100%;
- Khối 4: 3/3 lớp, đạt 100%;
- Khối 5: 3/3 lớp, đạt 100%;

* Số học sinh viết chữ đẹp. Chia ra:

- Khối 1: 12/52 em, đạt 23,1%;
- Khối 2: 32/83 em, đạt 38,6%;
- Khối 3: 28/72 em, đạt 38,9%;
- Khối 4: 30/98 em, đạt 30,6%;
- Khối 5: 37/85 em, đạt 43,5%;

2.5. Học sinh năng khiếu (hát nhạc, mỹ thuật)

- Hát nhạc: 47/393 em, đạt 12%;
- Mỹ thuật: 43/393 em, đạt 11 %;

2.6. Khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi: tiếng Anh (IOE) trên Intenet, Trạng Nguyên tiếng Việt các cấp

Môn	Khối Lớp	Cấp trường		Cấp xã		Cấp tỉnh		Cấp quốc gia	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Anh trên Intenet (IOE)	1	0	0	0	0	0	0	0	0
	2	0	0	0		0	0	0	0
	3	5	6,9	5	6,9	1	1,4	1	1,4
	4	12	12,2	12	12,2	8	8,2	5	5,1
	5	3	3,5	3	3,5	2	2,4	1	2,2

	Cộng	20	7,8	20	7,8	11	4,3	7	2,7
Trạng nguyên tiếng Việt	1	2	3,8	2	3,8	1	1,9	0	0
	2	10	12	8	9,6	7	8,4	0	0
	3	4	5,6	4	5,6	3	4,2	0	0
	4	13	13,3	11	11,1	9	9,1	0	0
	5	8	9,4	6	7	5	5,8	0	0
	Cộng	37	9,4	33	8,4	25	6,4	0	0

2.7. Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp học

100% số lớp và số chi đội tham gia thực hiện tốt các hoạt động như: thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp học

2.8. Hoạt động Đội thiếu niên, Sao nhi đồng

- 100% thiếu niên, nhi đồng và các chi đội, liên đội tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng các ngày kỉ niệm.

- 100% đội viên, thiếu niên và nhi đồng thực hiện tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện-Học sinh tích cực” gắn với việc Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- 100% thiếu niên, nhi đồng được giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, giáo dục giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống và lễ giáo.

- 100% thiếu niên, nhi đồng tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động phát triển năng lực về các lĩnh vực giáo dục.

+ Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 72/72 em học sinh lớp 3, đạt 100%.

+ Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: Phần đầu đến cuối năm học có từ 250/393 em đạt 63,6% trở lên, đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ từ cấp trường trở lên.

3. Chất lượng đội ngũ

- 100% CBQL, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, giản dị, quan hệ tốt với bạn bè, đồng nghiệp và bà con dân cư nơi địa bàn. Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành.

- 100% CBQL, giáo viên, nhân viên có ý thức tự học, tự rèn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và trau dồi kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp.

** Xếp loại về chuyên môn nghiệp vụ*

Tổng số GV	Xếp loại chuyên môn							
	Giỏi	%	Khá	%	TB	%	Chưa đạt	%
27	14	100	13	0	0	0	0	0

** Giáo viên giỏi các cấp*

TS GV	Cấp trường	%	Cấp xã	%	Cấp tỉnh	%
27	14	51,9	0	0	0	0

** Xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp*

Tổng số	Xếp loại							
	Tốt	%	Khá	%	Đạt	%	Chưa đạt	%
27	21	77,8	6	0	22,2	0	0	0

** Chất lượng hồ sơ:*

- BGH: 03 (03 bộ) Xếp loại tốt: 03/03 bộ, đạt 100% (không có hồ sơ xếp loại Khá và xếp loại TB).

- Tổ trưởng: 04 (04 bộ) Xếp loại tốt: 04/04 bộ, đạt 100% (không có hồ sơ xếp loại Khá và xếp loại TB).

- Giáo viên: 27 (27 bộ) Xếp loại Tốt: 27/27 bộ, đạt 100% (không có hồ sơ xếp loại Khá và xếp loại TB).

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: 5 đồ dùng (Mỗi tổ có ít nhất 01 đồ dùng)

4. Các danh hiệu thi đua

- Tập thể nhà trường:

+ UBND tỉnh công nhận danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc.

+ UBND xã công nhận danh hiệu Tập thể LĐTT.

- Cá nhân:

+ UBND tỉnh tặng Bằng khen cho cá nhân (Theo số lượng được phân bổ).

+ Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen cá nhân (Theo số lượng được phân bổ).

+ UBND xã công nhận danh hiệu LĐTT cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ UBND xã công nhận danh hiệu CSTĐ cơ sở cho từ 20% cán bộ, giáo viên, nhân viên trở lên.

+ UBND xã tặng Giấy khen cho cá nhân (Theo số lượng được phân bổ).

+ Trong năm phấn đấu 03 quần chúng ưu tú được kết nạp Đảng.

- Chi bộ Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

- Liên Đội đạt danh hiệu: Liên đội mạnh cấp tỉnh.

- Chi đoàn đạt danh hiệu: Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt cấp xã

- Đạt trường học thân thiện, học sinh tích cực; Trường học Hạnh phúc

- Duy trì và giữ vững 05/05 tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ

1.

- Duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục mức độ 3, Xóa mù chữ mức độ 2.

5. Chỉ tiêu lao động

-100% cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường phấn đấu thực hiện tốt việc bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất trường lớp, sách giáo khoa, thiết bị, đồ dùng không để hư hỏng mất mát.

- Phấn đấu thực hiện tốt các tiêu chí trường học Xanh - Sạch - Đẹp.

- Phấn đấu duy trì tốt phong trào "Xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực" "Trường học Hạnh phúc"

6. Công tác xã hội hoá giáo dục, công tác khuyến học

a) Công tác xã hội hoá giáo dục

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của phụ huynh trong công tác xã hội hoá giáo dục.

- Đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Kiện toàn tổ chức Hội Cha mẹ học sinh, phát huy vai trò trong việc đồng hành cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục thế hệ trẻ.

b) Công tác khuyến học

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động toàn dân xây dựng môi trường học tập lành mạnh; tham mưu với cấp ủy, chính quyền thành lập và duy trì hoạt động của Hội Khuyến học.

- Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, xây dựng phong trào gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, cộng đồng học tập.

- Xây dựng và phát triển quỹ khuyến học để phục vụ công tác thi đua - khen thưởng và hỗ trợ hoạt động giáo dục.

III. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Chủ động, tích cực, kịp thời trong công tác tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và triển khai dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục tiểu học. Thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định của UBND tỉnh và phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý; triển khai các giải pháp để hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

4. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục Tiểu học vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp xã với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

a) Nội dung

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương. Lập kế hoạch bảo trì các công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn không đảm bảo an toàn chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền đến học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý về công tác đảm bảo sức khỏe, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Y tế trường học xây dựng Kế hoạch, phương án dạy học linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Thường xuyên thực hiện tốt công tác vệ sinh trường lớp, lao động, kiểm tra CSVC, đồ chơi,... để môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1 Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

a) Nội dung

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo công văn Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND xã; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của mỗi trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

Các khối lớp tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn; bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của Chương

trình. Trong điều kiện cho phép, nhà trường tạo môi trường cho học sinh trải nghiệm, vận dụng các kiến thức trên lớp, phát huy năng lực được học trong chương trình vào hoạt động giáo dục và thực tiễn. Chỉ đạo tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp.

Hiệu trưởng chỉ đạo và phê duyệt: kế hoạch dạy học, kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt; nội dung dạy học tích hợp (tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy, quyền con người...), ôn tập kiểm tra bổ sung kiến thức, dạy học theo chủ đề, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... trước khi giáo viên triển khai thực hiện.

b) Giải pháp

Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo hợp lý giữa nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

BGH nhà trường, tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo các hình thức dạy học (trực tiếp, trực tuyến). Chỉ đạo Tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng các loại kế hoạch tác nghiệp kịp thời, phù hợp với đơn vị.

Phân cấp kiểm tra, phê duyệt các loại kế hoạch theo quy định: kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học,... năm học 2025-2026.

Giao cho Tổ trưởng các tổ khối chuyên môn phê duyệt kế hoạch dạy học và KH bài dạy của giáo viên. Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc thực hiện các loại kế hoạch theo quy định.

2.2. Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

a) Nội dung

Huy động tối đa học sinh trong độ tuổi đi học Tiểu học ra lớp. Trong đó, số trẻ từ 6 đến 10 tuổi đi học đạt 100%; số trẻ 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 100%. Thực hiện nghiêm túc dạy học 2 buổi/ngày, 9 buổi/tuần.

Thực hiện kế hoạch dạy học 9 buổi/tuần theo quy định tại (biểu số 01- HK1 và biểu số 02-HK2 kèm theo).

- Thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2025-2026, cụ thể:

Ngày tựu trường: Học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ngày 03/9/2025.

Ngày khai giảng: 05/9/2025.

- Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác), bắt đầu từ ngày 08/9/2025; kết thúc học kỳ I ngày 16/01/2026.

- Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác), bắt đầu từ ngày 19/01/2026; hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 22/5/2026.

- Ngày kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

Trong trường hợp xảy ra bất thường như: Rét đậm, lũ lụt hoặc thiên tai khác, nhà trường báo cáo về UBND xã (Phòng VH-XH) bằng văn bản để xem xét cho học sinh nghỉ học.

Các ngày nghỉ Lễ, nghỉ Tết, nghỉ phép trong năm thực hiện theo quy định của Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Nhà trường xây dựng kế hoạch bố trí dạy bù cho phù hợp, đảm bảo chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh để nâng cao nhận thức của phụ huynh đối với công tác giáo dục và khung thời gian thực hiện năm học 2025-2026.

Tích cực phối hợp với các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội của xã để huy động học sinh đến trường.

Không ngừng nâng cao chất lượng nuôi giáo dục; chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên; huy động nguồn lực đầu tư, chỉnh trang cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp tạo môi trường học tập an toàn thân thiện.

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục theo công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Xây dựng và triển khai kịp thời kế hoạch dạy bù các ngày nghỉ lễ, Tết đảm bảo đúng chương trình, thời gian năm học.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục đã được xây dựng và phê duyệt.

2.3. Thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học

a) Nội dung

Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Tiếp tục thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa, sách hướng dẫn học các môn học:

+ Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được

phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh.

+ Xuất bản phẩm tham khảo và vở (tập viết, luyện viết) sử dụng trong quá trình dạy và học tại các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền đến phụ huynh học sinh về việc mua SGK đúng với chương trình giáo dục của nhà trường hiện nay.

Đầu năm kiểm tra sách giáo khoa của học sinh và tạo điều kiện cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được mượn sách. Tiếp tục phát động phong trào tặng sách giáo khoa, sách tham khảo cho thư viện. Tận dụng không gian lớp học, sân trường, chân cầu thang xây dựng mô hình "Thư viện xanh", "Thư viện thân thiện".

Tiếp tục thực hiện tốt Ngày sách Việt Nam. Thường xuyên tổ chức cho CBGV và HS giờ đọc sách, truyện báo và khai thác triệt để thư viện thân thiện, thư viện xanh, tủ sách dùng chung.

Tiếp tục tham mưu Sở GD&ĐT bổ sung thêm sách, truyện, tạp chí, báo, ... đảm bảo hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo Tổ chuyên môn và giáo viên nghiên cứu và xây dựng Chương trình giảng dạy cụ thể từng khối lớp.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Chương trình giáo dục ở các khối lớp.

Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện chương trình qua kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy, dự giờ thăm lớp của đội ngũ giáo viên.

3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ, Tin học

3.1. Tổ chức dạy môn Ngoại ngữ

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện hiệu quả dạy học môn Tiếng Anh cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ đạo giáo viên, học sinh tăng cường tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

Năm học 2025-2026 tổ chức cho học sinh hoạt động giao tiếp, giao lưu Tiếng Anh, trải nghiệm, các sân chơi.

b) Giải pháp

Chỉ đạo giáo viên Tiếng Anh nghiên cứu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục môn Tiếng Anh.

Tham gia bồi dưỡng, tập huấn, tích cực tự học tự bồi dưỡng nâng cao chất lượng dạy học Tin học - Công nghệ và Tiếng Anh.

Tích cực tự học tự bồi dưỡng, tham học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông nâng cao kiến thức.

3.2. Tổ chức dạy môn Tin học-Công nghệ

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện hiệu quả dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

Thực hiện nghiêm túc các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5.

Tham gia tập huấn do Sở GD&ĐT tổ chức về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình GDPT theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn định kỳ để nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng dạy học, đặc biệt là giáo dục kỹ năng công dân số từ lớp 1.

Trang bị đầy đủ phòng máy, máy tính, phần mềm phù hợp; đảm bảo mỗi học sinh đều được thực hành; thường xuyên bảo trì, nâng cấp thiết bị để phục vụ tốt việc dạy và học.

Tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực, tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm với công nghệ; tích hợp linh hoạt giáo dục kỹ năng công dân số trong các hoạt động học tập phù hợp với lứa tuổi.

Tuyên truyền để phụ huynh hiểu rõ vai trò của môn Tin học và kỹ năng số; khuyến khích hỗ trợ con em tiếp cận môi trường học tập số an toàn, hiệu quả tại nhà.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương

a) Nội dung

Năm học 2025-2026 thực hiện nghiêm túc nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 theo tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên; tổ chức dạy học 22 tiết/năm học (học kỳ I: 12 tiết; học kỳ II: 10 tiết).

Đối với chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên tổ chức thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

b) Giải pháp

Chỉ đạo giáo viên nghiên cứu hệ thống văn bản các cấp và xây dựng kế hoạch, Chương trình và tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các khối lớp.

Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương qua kế hoạch dạy học, kế hoạch bài dạy, dự giờ thăm lớp của đội ngũ giáo viên.

5. Triển khai giáo dục STEM

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Văn bản số công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ giáo dục và Đào tạo; Công văn số 652/SGDĐT-GDTH ngày 22/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Tham mưu cấp có thẩm quyền quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM.

Triển khai đến các khối lớp làm quen với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật với sự hướng dẫn của giáo viên và sự sáng tạo của học sinh tạo 01 sản phẩm/khối. Phấn đấu có 03 sản phẩm STEM tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên do các cấp phát động.

b) Giải pháp

Chỉ đạo giáo viên nghiên cứu hệ thống văn bản các cấp và nghiên cứu xây dựng chương trình tổ chức dạy học giáo dục STEM theo quy định.

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên sử dụng triệt để nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chỉ đạo tổ chuyên môn đưa nội dung giáo dục STEM vào buổi sinh hoạt môn chuyên đề để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tăng cường công tác dự giờ, tư vấn giúp đỡ giáo viên thực hiện giáo dục STEM.

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM.

Động viên, khen thưởng giáo viên, học sinh có sản phẩm đạt kết quả trong cuộc thi do các cấp phát động.

6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

6.1 Thực hiện linh hoạt phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Nội dung

Tiếp tục chỉ đạo đội ngũ giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng,

hiệu quả; vận dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GD&ĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên tiểu học.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá ứng dụng CNTT trong dạy học và quản trị nhà trường.

b) Giải pháp

Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối lớp trong trường, cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo giúp giáo viên vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt phương pháp dạy học

Tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. Khuyến khích giáo viên tự học, tự nghiên cứu, tham khảo kho học liệu số của Bộ GD&ĐT, các khóa học trực tuyến. Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán để chia sẻ, nhân rộng kinh nghiệm dạy học tích cực.

Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực (dạy học theo dự án, dạy học hợp tác, trải nghiệm sáng tạo...). Tăng cường hoạt động trải nghiệm, gắn kiến thức với thực tiễn và nội dung giáo dục địa phương. Phối hợp giữa học tập trên lớp, trực tuyến và hoạt động ngoại khóa nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh.

Đổi mới sinh hoạt chuyên môn. Tổ chức dự giờ, phân tích bài học theo hướng nghiên cứu bài học, đảm bảo thực chất và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch bài dạy khoa học, linh hoạt, khuyến khích giáo viên trao đổi, góp ý. Sử dụng kho tư liệu bài giảng mẫu, video tiết dạy minh họa để học hỏi và áp dụng.

Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý dạy học, kho học liệu điện tử, lớp học trực tuyến. Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá, bảo đảm khách quan, công bằng và đa dạng hình thức. Phát triển các bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trực tuyến phục vụ dạy học và tự học.

6.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

a) Nội dung

Thực hiện nghiêm túc hiệu quả việc đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho

đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kiên quyết không để học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học lên lớp, thực hiện khen thưởng học sinh thực chất đúng quy định, tránh khen thưởng tùy tiện gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Thực hiện khen thưởng học sinh thực chất đúng quy định có thể gửi "Thư khen" cho những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt. Hình thức khen: Viết Thư khen ngợi. Nội dung khen ngợi: Những học sinh có thành tích, cố gắng trong quá trình học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực hoặc có những việc làm tốt. Thời điểm viết Thư khen: Hằng tuần, tháng, cuối kì, cuối năm học hoặc khi học sinh có sự tiến bộ vượt bậc hay có việc làm tốt ...

b) Giải pháp

Chỉ đạo Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn thường xuyên cho đội ngũ học tập Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đánh giá học sinh.

Tổ chức tập huấn hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ cho các môn học theo chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với việc ghi nhận kết quả đánh giá hai môn học này.

Tiếp tục hỗ trợ, tập huấn trang bị kỹ thuật đánh giá học sinh bằng nhận xét, giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì.

Tăng cường công tác kiểm tra việc đánh giá học sinh của giáo viên theo nhiều hình thức: dự giờ, kiểm tra trên vở ghi, phiếu bài tập,...

Phỏng vấn trực tiếp học sinh, giáo viên về cách đánh giá học sinh tiểu học.

Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng ra đề, coi, chấm kiểm tra định kỳ và bàn giao chất lượng học sinh cuối năm.

V. THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP; CÙNG CỐ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỔ CẬP GIÁO DỤC VÀ CÔNG BẰNG TIẾP CẬN GIÁO DỤC

1. Rà soát, quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp

a) Nội dung

Tiếp tục rà soát số lượng học sinh bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật giáo dục 2019 và công bằng trong tiếp cận giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b) Giải pháp

Thực hiện tốt công tác điều tra số học sinh trên địa bàn, số học sinh nơi khác chuyển đến để có kế hoạch mở lớp khắc phục tình trạng trường trường có quy mô lớp học và số học sinh/lớp vượt quá quy định của Điều lệ Trường Tiểu học.

2. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

2.1. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học

a) Nội dung

Tiếp tục triển khai thực hiện: Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 1584/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, duy trì 100% trẻ trong độ tuổi đi học tiểu học; 100% học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo, tập trung nguồn lực thực hiện phổ cập, góp phần đảm bảo giáo dục tiểu học bắt buộc theo Luật Giáo dục 2019.

Năm 2025 giữ vững và nâng cao chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3; duy trì chuẩn XMC mức độ 2.

b) Giải pháp

Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; Phát huy hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Gắn kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và cá nhân phụ trách.

Tổ chức điều tra, cập nhật số liệu chính xác về độ tuổi đi học và người mù chữ tại địa phương để có biện pháp huy động phù hợp; Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, trường bản, già làng, cha mẹ học sinh để vận động trẻ 6 tuổi ra lớp và duy trì sĩ số học sinh tiểu học; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào học tập nhằm tạo hứng thú, giữ chân học sinh không bỏ học.

Nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học, đảm bảo tất cả học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học. Tổ chức các lớp hỗ trợ kiến thức, phụ đạo học sinh yếu, kèm cặp học sinh có nguy cơ bỏ học. Bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho giáo viên tham gia giảng dạy chương trình xóa mù chữ.

Mở lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ cho các nhóm đối tượng trong độ tuổi theo từng cụm dân cư. Lồng ghép dạy xóa mù chữ với nội dung thiết thực (sản xuất, chăm sóc sức khỏe, pháp luật...) để thu hút người học. Tăng

cường phối hợp với các tổ chức xã hội, đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia học tập.

Thường xuyên tổ chức tự kiểm tra, đánh giá chất lượng phổ cập và xóa mù chữ; kịp thời khắc phục tồn tại. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan quản lý cấp trên để được chỉ đạo, hỗ trợ. Phấn đấu hoàn thành và duy trì bền vững chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3 và chuẩn XMC mức độ 2.

Chủ động tham mưu cấp trên bố trí kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ phổ cập và xóa mù chữ. Huy động sự tham gia, đóng góp của cộng đồng, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp vào các hoạt động hỗ trợ giáo dục. Khuyến khích, động viên giáo viên, cán bộ, đoàn thể tích cực tham gia công tác phổ cập và xóa mù chữ.

Tham mưu, phối hợp với các trường trên địa bàn xã tổ chức tự kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ hoàn thành trước ngày 30/9/2025; gửi tờ trình, báo cáo kèm các biểu mẫu thống kê về Phòng VH-XH xã trước ngày 15/11/2025.

2.2. Đảm bảo hiệu quả kiểm định chất lượng giáo dục và trường học đạt chuẩn quốc gia

a) Nội dung

Tiếp tục triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng theo báo cáo tự đánh giá và các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài.

Tham mưu, huy động và ưu tiên nguồn lực xây dựng, hoàn thiện phòng học bộ môn, cơ sở vật chất (CSVC) theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; duy trì tiêu chí trường đạt mức chất lượng tối thiểu.

b) Giải pháp

Thực hiện tốt công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng dạy học.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

Khuyến khích ứng dụng CNTT và đổi mới phương pháp dạy học (thảo luận nhóm, trò chơi học tập, đóng vai, mảnh ghép, khăn phủ bàn, bàn tay nặn bột...).

Thiết kế bài giảng theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, tổ chức hoạt động học tập giúp học sinh chủ động, sáng tạo.

Tham mưu UBND xã tiếp tục đầu tư, bổ sung CSVC theo đúng quy định.

3. Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi thực hiện chương trình lớp Một

3.1. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số

a) Nội dung

Chỉ đạo giáo viên tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần;

xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy viết bài văn, đoạn văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức tiết đọc sách tại thư viện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện xanh, thư viện góc lớp, duy trì hiệu quả hoạt động giao lưu tiếng Việt.

b) Giải pháp

Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch tăng cường tiếng Việt phù hợp với từng khối lớp, từng đối tượng học sinh.

BGH phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số trong rèn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Tổ chức tiết học bổ trợ, hoạt động ngoại khóa để học sinh rèn luyện tiếng Việt trong môi trường giao tiếp thực tế.

Khuyến khích phụ huynh phối hợp cùng nhà trường tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt tại gia đình và cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp và tiết học tại thư viện nhà trường.

Tăng cường sử dụng các đồ dùng trực quan sinh động, sử dụng cây từ vựng và sử dụng các hình thức dạy học phát huy tính tích cực của học sinh.

Trong quá trình giao tiếp cần lưu ý nhắc nhở học sinh thường xuyên sử dụng tiếng Việt để giao tiếp với bạn bè trong giờ ra chơi. Nội dung giao tiếp cần gắn với chủ điểm đã học (về bản thân, bạn bè, gia đình, bản làng...)

3.2. Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện chương trình lớp Một

a) Nội dung

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1. Thời gian từ ngày 11/8 đến 27/8/2025 theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết. Trong đó mỗi ngày thực hiện 6 tiết).

Tổ chức kiểm tra đánh giá việc tổ chức dạy tiếng Việt cho học sinh DTTS phù hợp với điều kiện của địa phương

b) Giải pháp

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT, phù hợp với điều kiện nhà trường và địa phương.

Phân công giáo viên có năng lực, am hiểu đặc điểm tâm lý trẻ dân tộc thiểu số tham gia giảng dạy.

Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, học liệu, tranh ảnh, đồ dùng trực quan phục vụ dạy tiếng Việt tiền tiểu học.

Tổ chức các hoạt động học tập đa dạng, kết hợp trò chơi, hát, kể chuyện để hình thành thói quen và kỹ năng giao tiếp tiếng Việt cho trẻ.

Phối hợp với phụ huynh và cộng đồng để tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt ngoài lớp học.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ tiếp thu của học sinh để điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp.

Tăng cường hoạt động hỗ trợ, bồi dưỡng kỹ năng dạy tiếng Việt cho giáo viên tham gia chương trình.

4. Thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

a) Nội dung

Huy động tối đa số trẻ khuyết tật từ 6 đến 10 tuổi ra lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học.

Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục theo Luật người khuyết tật năm 2010 và thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Lao động thương binh và xã hội- Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; tăng cường tuyên truyền cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập; Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá kết quả học tập (học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học) với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Chỉ đạo chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập của các khối lớp, chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hòa nhập, đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

Nắm chắc số liệu, danh sách trẻ khuyết tật trong độ tuổi học tiểu học; thống kê, báo cáo kết quả giáo dục trẻ khuyết tật được thực hiện cùng với các báo cáo đầu năm, học kỳ I, cuối năm học. Kết nối với Trung tâm Phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh trong khám sàng lọc, tư vấn, hỗ trợ can thiệp đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Giải pháp

Tìm hiểu, điều tra, thống kê học sinh khuyết tật trong toàn trường.

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường lập danh sách học sinh khuyết tật lập sổ quản lý và theo dõi chung toàn trường.

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phân loại theo dạng khuyết tật, kết hợp cùng gia đình xây dựng kế hoạch, chương trình dạy học hòa nhập, đánh giá theo sự tiến bộ đối với học sinh khuyết tật, giúp đỡ các em trong năm học.

Quan tâm sát sao đến học sinh khuyết tật, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em tham gia các hoạt động hòa nhập. Giáo viên thực hiện đúng theo yêu cầu về hồ sơ, sổ sách của học sinh khuyết tật.

Kêu gọi phụ huynh, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường ủng hộ vật chất hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật theo Luật Người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC Quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng.

5. Tổ chức hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép

a) Nội dung

Nhà trường tổ chức giảng dạy 07 lớp ghép 1+2, với 95 học sinh tại 7 điểm trường: Huổi Khon 1, Huổi Khon 2, Ngã ba Huổi Khon, Nậm Kè, Huổi Thanh 1 cụm 1, Huổi Thanh 1 cụm 2, Chuyên Gia 3. Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy cần được thiết kế đa dạng, linh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và từng nhóm đối tượng, nhóm trình độ của học sinh, bảo đảm đạt mục tiêu, chất lượng dạy học theo quy định của chương trình tại công văn số 5335/BGDĐT- GDTH ngày 12/10/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện lớp ghép.

Chế độ phụ cấp dạy lớp ghép cho giáo viên tiểu học thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giải pháp

Bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về phương pháp tổ chức dạy học lớp ghép, lớp linh hoạt theo hướng phát huy năng lực của học sinh.

Xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng, phân hóa theo trình độ, đảm bảo tất cả học sinh đều đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đồ dùng trực quan, tài liệu hỗ trợ để hỗ trợ giảng dạy lớp ghép.

Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm nhỏ, cặp đôi nhằm tăng cường sự hỗ trợ, hợp tác giữa học sinh.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp ghép, kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học.

Thực hiện các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định hiện hành. Tổ chức đánh giá, nhận xét để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho những cá nhân có thành tích tốt trong công tác quản lý và tổ chức dạy học lớp ghép.

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

6.1. Dạy học 2 buổi/ngày

a) Nội dung

Thực nghiêm túc nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; Duy trì 100% học sinh tham gia dạy học 2 buổi/ngày với kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương 32 tiết/tuần). Tăng cường kiến thức kỹ năng cho học sinh thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng

sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

b) Giải pháp

Xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày khoa học, hợp lý, phù hợp điều kiện nhà trường và học sinh.

Bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên để đảm bảo có đủ giáo viên dạy đúng, dạy đủ các môn học theo quy định; khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí sử dụng không phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Bám sát kế hoạch dạy học xây dựng chương trình đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng theo hướng phát triển năng lực học sinh. Nội dung dạy buổi thứ hai chú trọng phân hóa đối tượng học sinh để tổ chức ôn luyện kiến thức cơ bản và các kỹ năng buổi sáng chưa nắm vững; đồng thời nâng cao và mở rộng kiến thức cho học sinh năng khiếu; tổ chức cho học sinh tham gia sân chơi trí tuệ trên mạng Internet.

Tăng cường dự giờ, kiểm tra chất lượng giảng dạy buổi 2.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng: câu lạc bộ, hoạt động trải nghiệm, học tập dự án, giáo dục STEM...

Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng cho việc tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

Tạo điều kiện để giáo viên được học tập, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực giảng dạy của bản thân để đáp ứng yêu cầu của dạy học 2 buổi/ngày.

6.2. Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú

a) Nội dung

Duy trì tốt số lượng học sinh diện bán trú: 175 em.

Lên thời gian biểu cụ thể riêng hàng ngày cho học sinh nội trú để các em tham gia học tập, vui chơi. Quan tâm rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, các hội thi, tạo hứng thú học tập cho các em.

Đưa trò chơi dân gian và hoạt động trải nghiệm vào giờ chơi, tạo không khí vui vẻ, giúp học sinh yêu thích đến trường.

Tổ chức tốt việc nấu ăn, đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm và chăm lo sức khỏe cho học sinh bán trú.

b) Giải pháp

Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - phụ huynh - chính quyền địa phương trong công tác quản lý, giáo dục.

Đảm bảo cơ sở vật chất: phòng ở, bếp ăn, khu sinh hoạt chung đầy đủ, sạch sẽ, an toàn.

Lập thời khóa biểu hợp lý cho học sinh bán trú, cân đối giữa học tập - vui chơi - nghỉ ngơi; Phân công giáo viên quản nhiệm theo dõi, hướng dẫn sinh hoạt và học tập hằng ngày của học sinh.

Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động trải nghiệm để rèn luyện kỹ năng sống, tinh thần tự giác và trách nhiệm; Đa dạng hóa hoạt động ngoại khóa: văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian.

Nâng cao chất lượng bữa ăn, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, chăm sóc y tế kịp thời cho học sinh.

Xây dựng môi trường bán trú an toàn, sạch đẹp, tạo tâm lý thoải mái, thân thiện cho học sinh.

VI. Củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng GIÁO DỤC

1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

1.1. Thực hiện linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên

a) Nội dung

Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ số lượng, cơ cấu giáo viên dạy các môn học phù hợp với yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện quản lý, sử dụng linh hoạt, bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên hiện có đảm bảo số lượng, cơ cấu để triển khai thực hiện dạy học 2 buổi/ngày; thực hiện các giải pháp để có đủ đội ngũ giáo viên Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy lớp 3 ngay từ đầu năm học rà soát số lượng giáo viên hiện có, xác định số lượng giáo viên cần có để trình cấp có thẩm quyền tuyển dụng giáo viên để thực hiện việc giảng dạy Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Anh, Tin học cấp tiểu học của năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.

b) Giải pháp

Thống kê, phân tích số lượng, cơ cấu, trình độ giáo viên hiện có để xác định nhu cầu bố trí và tuyển dụng. Sắp xếp, điều chuyển giáo viên hợp lý giữa các khối lớp, trường học; ưu tiên các môn còn thiếu như Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018. Đề xuất tuyển đủ giáo viên còn thiếu, đặc biệt là các môn đặc thù, phục vụ năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.

Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong công tác tổ chức, sắp xếp, sử dụng giáo viên hiệu quả.

1.2. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

a) Nội dung

Thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên theo Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 12/01/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc công tác sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề theo cấp tổ 2 buổi/tháng (mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút), thực hiện theo quy định tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung sinh hoạt tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục tổng thể, chương trình môn học, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học; tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh.

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Cụm chuyên môn cấp Tiểu học. Cụm trưởng xây dựng kế hoạch sinh hoạt Cụm chuyên môn số 12 theo văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) phối hợp với các trường tiểu học trên địa bàn xã xây dựng nội dung sinh hoạt chuyên đề cấp cụm trường 02 lần/năm.

b) Giải pháp

Mỗi cán bộ, giáo viên lựa chọn nội dung bồi dưỡng thường xuyên phù hợp với vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tích cực tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật các văn bản hiện hành để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng các lĩnh vực theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học.

Thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai thực hiện hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn tại trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trao đổi học hỏi kinh nghiệm chuyên môn lẫn nhau; đưa ra các phương pháp hay để giải các bài Toán, Tiếng Việt khó. Từ đó, nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên.

Phát huy cao việc tự học tin học và việc ứng dụng CNTT vào dạy học coi đó là tiêu chí để đánh giá sự tiến bộ của mỗi giáo viên. Hàng tháng tổ chức nội dung sử dụng CNTT trong buổi sinh hoạt chuyên môn.

Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề các tổ. Nội dung, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề của các tổ được sự phê duyệt của BGH nhà trường.

100% CBGV tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề. Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường gồm trường tiểu học thuộc xã Mường Toong, xã Nậm Kè, xã Quảng Lâm (Trường PTDTBT TH Nậm Kè số 1 cụm trường).

Đối với giáo viên chuyên: Môn Âm nhạc, Mỹ Thuật, Thể Dục Trường PTDTBT Tiểu học Mường Toong số 1 làm nhóm trưởng; Môn Tiếng Anh, Tin học, Đội Trường PTDTBT Tiểu học Quảng Lâm làm nhóm trưởng, giáo viên tham gia sinh hoạt cùng các đơn vị.

1.3. Đánh giá xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên trường tiểu học

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

b) Giải pháp

Mỗi cán bộ, giáo viên phấn đấu chuẩn nghề nghiệp GVTH và tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng các lĩnh vực theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học.

Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên, chú trọng vào chất lượng học tập của học sinh và hiệu quả nhiệm vụ được giao làm thước đo của việc đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp.

2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

2.1. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Nội dung

Trong năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước các tổ chức xã hội và sự đóng góp công sức của nhân dân để tạo cảnh quan môi trường đảm bảo đủ điều kiện cho năm học mới và thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5.

Thường xuyên kiểm cơ sở vật chất có tình trạng hỏng nặng, còn thiếu, không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền sửa chữa, nâng cấp, bổ sung phòng học theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, xây dựng phòng chức năng theo quy định tại 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiếp tục rà soát thay thế bàn ghế mới cho học sinh đảm bảo đúng tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT- BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học

sinh tiểu học, trường THCS và trường THPT; Tiếp tục xây dựng thư viện tiên tiến theo quy định tại Quyết định 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Rà soát, xây dựng kế hoạch kinh phí và tổ chức mua thiết bị dạy học mới theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp theo quy định. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1,2,3, bộ đồ dùng dạy học Toán 1,2,3, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật".

Chủ động tăng cường khai thác thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học cho. Tiếp tục xây dựng các sân chơi vận động ngoài trời, trong đó có các loại đồ chơi, thiết bị vận động phù hợp với độ tuổi học sinh Tiểu học.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học bằng nguyên liệu vật liệu có sẵn, cải tiến, sửa chữa đồ dùng để phục vụ cho bài dạy các môn học; trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

Quản lý tốt việc sử dụng và bảo quản đồ dùng dạy học. Khai thác triệt để đồ dùng dạy học hiện đại trong các tiết dạy, chú trọng giảng dạy CNTT.

Phát triển kho Video bài dạy minh họa của đội ngũ giáo viên giỏi để giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo chương trình GDPT 2018.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền đến phụ huynh và sự đóng góp công sức của phụ huynh để tu sửa cơ sở vật chất có hiện tượng hỏng hoặc bị hỏng nhẹ kịp thời. Báo cáo về UBND xã, Sở GD&ĐT việc điều chuyển bàn ghế không sử dụng tránh lãng phí.

Tổ chức kiểm tra thực trạng cơ sở vật chất và tham mưu cấp có thẩm quyền tiếp tục đầu tư tu sửa cơ sở vật chất, công trình điện, nước đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời. Tăng cường công tác kiểm tra việc mượn và sử dụng đồ dùng dạy học của đội ngũ giáo viên trong các tiết học.

Duy trì Hội thi đồ dùng dạy học tự làm cấp trường để phong phú thêm đồ dùng dạy học.

Tiếp tục tham mưu UBND xã, Sở GD&ĐT tiếp tục bổ sung thiết bị dạy học hiện đại, đồ chơi, thiết bị vận động đáp ứng nhu cầu dạy-học,

2.2. Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

a) Nội dung

Tiếp tục triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường; Nhân viên phụ trách thư viện thiết lập và vận hành thư viện.

Thực hiện hiệu quả tiết đọc thư viện hàng tuần, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự

tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình thư viện thân thiện. Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của thư viện trong trường tiểu học; thực hiện tốt việc lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

b) Giải pháp

Chỉ đạo nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động thư viện đến toàn thể CBGVNV và học sinh. Khai thác và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến.

Thường xuyên kiểm tra các tiết đọc được tổ chức tại thư viện để nắm bắt được hiệu quả tiết đọc thư viện.

Tiếp tục tận dụng không gian trong và ngoài lớp học thực hiện hiệu quả mô hình thư viện thân thiện. Cải tạo thư viện trường học, xây dựng thư viện lớp học, thư viện xanh để phục vụ hoạt động thư viện của nhà trường. Tổ chức các hoạt động: đọc sách sân trường, thi kể chuyện,...

Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của thư viện; thực hiện tốt việc lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

3.1. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030"; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; chuẩn bị sẵn các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp được.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống "Trường học kết nối", khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao nhi đồng.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc xây dựng kho bài giảng điện tử, thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm, bài trình chiếu Power point, video clip giờ dạy đăng tải lên website để giáo viên, học sinh tham khảo và tự học tập, nghiên cứu.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các

môn học, hoạt động giáo dục và công tác thông kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Hiệu trưởng quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) điện tử để quản lý trên môi trường số.

Báo cáo số lượng (*kèm theo danh sách*) cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phép sử dụng hồ sơ điện tử về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/9/2025.

b) Giải pháp

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030". Bố trí 01 cán bộ phụ trách CNTT làm đầu mối, hướng dẫn đội ngũ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Giao cho Hiệu phó chuyên môn và cán bộ phụ trách CNTT có kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ về sử dụng, khai thác CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc xây dựng kho tư liệu chuyên môn, kho tư liệu bài giảng,...sau mỗi tháng tổ chức đánh giá việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong và dạy học.

Chỉ đạo 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiên phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao nhi đồng.

Ban hành Quyết định về việc cho phép bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) điện tử để quản lý trên môi trường số.

Chỉ đạo đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thường xuyên khai thác tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện nhiệm vụ năm học.

3.2. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

a) Nội dung

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục kỹ năng số trong thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học và thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng số cho học sinh.

b) Giải pháp

Tổ chức nghiên cứu và xây dựng chương trình giảng dạy nội dung giáo dục kỹ năng công dân số.

Chỉ đạo giáo viên tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung giáo dục kỹ năng công dân số ở môn Tin học; tích hợp vào các môn học, hoạt động giáo dục. Nội dung giáo dục kỹ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học và các môn học, HĐGD.

3.3. Triển khai Học bạ số

a) Nội dung

Năm học 2025-2026 tiếp tục thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

b) Giải pháp

Triển khai đến toàn thể CBGV việc thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Rà soát những khó khăn, vướng mắc, tổng hợp và kết nối đơn vị cung cấp đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục

a) Nội dung

Nhà trường tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo quy định tại Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Tiếp tục rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đối chiếu các điều kiện tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo các văn bản quy định. Xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đảm bảo thực hiện chương trình GDPT năm 2018.

Cải tạo thư viện trường học đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018. Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục xây dựng thư viện lớp học.

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định. Trong quá trình thực hiện huy động cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội...giúp nhà trường thực thi và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

b) Giải pháp

Tăng cường nghiên cứu đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo quy định tại Nghị định 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

Chỉ đạo các bộ phận CSVC, thiết bị rà soát cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đổi chiều các điều kiện tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo văn bản.

Chỉ đạo Kế toán tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đảm bảo thực hiện chương trình GDPT năm 2018.

Tiếp tục thực hiện huy động các nguồn tài chính hợp pháp như: Ngân sách nhà nước, xã hội hóa giáo dục để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa cho thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025-2026. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo thư viện trường học, xây dựng thư viện lớp học, để phục vụ hoạt động thư viện của nhà trường.

5. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

a) Nội dung

Tiếp tục phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, gắn với phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" của ngành giáo dục.

Tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29/NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Nêu gương các cá nhân điển hình thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện tốt Quy chế dân chủ, bộ Quy tắc ứng xử trong trường học.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ đảm bảo các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động.

Truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho việc triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

b) Giải pháp

Động viên, khuyến khích CBGVNV hưởng ứng tốt các phong trào thi đua do các cấp tổ chức; Tích cực đổi sáng tạo trong dạy học.

Ban hành Quyết định thành lập tổ truyền thông năm học 2025-2026.

Chỉ đạo tổ truyền thông xây dựng Kế hoạch truyền thông bám sát văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác truyền thông.

Kịp thời cập nhật, viết tin bài, đăng tải tin bài về các nội dung truyền thông lên trang Wbes của nhà trường.

Động viên khuyến khích mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên chủ động viết và đưa tin bài về hoạt động của trường, lớp về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến để khích lệ thầy giáo, cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa trong nhà trường.

VII. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Tổ chức ngày Toàn dân đưa trẻ đến trường và khai giảng năm học mới và thực hiện việc Chào cờ và học sinh hát Quốc ca vào thứ 2 hàng tuần

a) Nội dung

Thực hiện tốt ngày Toàn dân đưa trẻ đến trường và khai giảng năm học mới vào ngày 05/9/2025 theo văn bản hướng dẫn của các cấp.

Thực hiện nghiêm túc việc Chào cờ và học sinh hát Quốc ca vào thứ hai hàng tuần theo quy định tại văn bản số 1525/BGDĐT-CTHSSV ngày 29/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền đến phụ huynh huy động tối đa học sinh đến lớp.

Xây dựng kế hoạch tổ chức Lễ khai giảng năm học 2025-2026 phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.

Tổng phụ trách Đội kết hợp với giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền đến học sinh văn bản số 1525/BGDĐT-CTHSSV ngày 29/3/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quản trịet giáo viên và học sinh thực hiện nghiêm túc tiết sinh hoạt dưới cờ và học sinh hát Quốc ca vào thứ 2 hàng tuần.

2. Tăng cường lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học

a) Nội dung

Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giáo dục ý thức pháp luật và chấp hành pháp luật; an toàn trường học; phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Đoàn, Đội, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giáo dục ý thức pháp luật và chấp hành pháp luật; an toàn trường

học; phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng trong các tiết học chính khóa, sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tiết sinh hoạt lớp,...

Thành lập tổ tư vấn tâm lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, giáo dục Nhi đồng với công tác giáo dục đạo đức, lối sống của nhà trường

a) Nội dung

Tổ chức tốt các hoạt động Đội Thiếu niên và Sao nhi đồng trong trường học theo Chương trình hoạt động Đội. Vận dụng, triển khai hiệu quả các chương trình hành động công tác Đội xuyên suốt năm học gắn với các ngày lễ kỷ niệm trong tháng.

Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, giáo dục nhi đồng với công tác giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống và giáo dục phẩm chất cho học sinh.

b) Giải pháp

Thực hiện tuyên truyền giáo dục trong các tiết hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp tiết sinh hoạt lớp, chào cờ; nêu gương người tốt việc tốt và lồng ghép giáo dục HS trong các tiết học văn hoá.

Chỉ đạo GVCN các lớp phối kết hợp với tổ chức Đoàn thanh niên và Đội thiếu niên, Ban chỉ huy Liên Đội, đội sao đỏ để triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch thể dục, vệ sinh, ca múa hát tập thể.

Lồng ghép việc giáo dục học sinh trong các buổi chào cờ, hoạt động ngoại khoá trong các chương trình chính khoá.

Tăng cường vai trò, hoạt động của đội sao đỏ, tổ chức bình xét cờ thi đua hàng tuần.

4. Tổ chức các Hoạt động giáo dục, giao lưu, sân chơi trí tuệ

a) Nội dung

Trong năm học tổ chức các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh như: giao lưu tiếng Việt, kể chuyện theo sách, tìm hiểu An toàn giao thông, tham gia sân chơi trí tuệ môn Tiếng Việt, Tiếng Anh trên mạng Internet.

b) Giải pháp

Chỉ đạo Đoàn, Đội, phụ trách chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm thông báo, động viên học sinh tham gia các hoạt động giáo dục, kể chuyện theo sách, giao lưu Tiếng Việt, sân chơi trí tuệ. Tổ chức giao lưu Tiếng Việt cho học sinh nhằm giúp các em phát triển các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, mở rộng vốn hiểu biết về Tiếng Việt nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt và chất lượng môn Tiếng Việt trong nhà trường.

Chỉ đạo cán bộ thư viện tham mưu nhà trường tổ chức ngày hội đọc sách 01 lần/năm.

5. Tiếp tục mở rộng việc đầu tư, xây dựng và tổ chức sân trường thân thiện, an toàn. Tổ chức kiểm tra công nhận trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích

a) Nội dung

Tiếp tục thực hiện tu sửa trường lớp, sân trường thân thiện, an toàn; trang trí trường lớp theo quy định (trang trí đẹp, bày trí khoa học các lớp học và phòng làm việc của nhà trường).

Đầu tư các loại đồ chơi, thiết bị vận động phù hợp với học sinh.

Thường xuyên kiểm tra các tiêu chí trường học an toàn và phòng, chống tai nạn thương tích.

b) Giải pháp

Thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh công tác phòng, chống tai nạn thương tích.

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, vận động phụ huynh học sinh tham gia lao động tu sửa trường lớp, sân trường thân thiện tạo cảnh quan trường học.

Kiểm tra, rà soát các loại đồ chơi, thiết bị vận động bị hỏng, mất an toàn thực hiện thanh hủy, thanh lý.

Tham mưu các cấp mua sắm bổ sung thay thế các loại đồ chơi, thiết bị vận động bị hư hỏng.

Tổ chức tự kiểm tra công nhận trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích theo quy định tại Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hiện hành.

6. Công tác Thể dục thể thao

a) Nội dung

Tiếp tục duy trì và đổi mới các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu, dân vũ; Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong trường học, thực hiện tốt các giờ thể dục chính khoá.

Tổ chức Hội thao cấp trường, tổ chức tập luyện các môn thi đấu tại các cấp.

Tham gia đại hội thể dục thể thao lần thứ nhất do xã tổ chức.

b) Giải pháp

Giao giáo viên Thể dục, Tổng phụ trách Đội tổ chức tập luyện thể dục đầu giờ, giữa giờ, thể dục nhịp điệu, dân vũ.

Giáo viên chủ nhiệm, kết hợp giáo viên thể dục phát hiện nhân tố, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tham gia các môn thi đấu tại Hội thao cấp trường.

Giao GV phụ trách môn thể dục tổ chức cho HS tập luyện; Động viên CBGVNV tham gia các môn thi đấu tại đại hội thể dục thể thao lần thứ nhất do xã tổ chức.

7. Tích hợp nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh

a) Nội dung

Thực hiện tích hợp giáo dục nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024.

Mua sắm sung thiết bị giáo dục Quốc phòng theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Giải pháp

Chỉ đạo chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc tích hợp giáo dục nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024.

Tham mưu UBND xã, Sở Giáo dục và Đào tạo mua sắm thiết bị giáo dục Quốc phòng theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên trong việc dạy học tích hợp nội dung Quốc phòng và An ninh.

8. Triển khai sử dụng Bộ tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học

a) Nội dung

Tổ chức dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục an toàn giao thông vào các môn học và hoạt động giáo dục các lớp.

Sử dụng hiệu quả Bộ tài liệu giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

Chỉ đạo chuyên môn, giáo viên thực hiện nghiêm túc tích hợp giáo dục nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024.

Tham mưu UBND xã mua sắm thiết bị giáo dục Quốc phòng theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên trong việc dạy học tích hợp nội dung Quốc phòng và An ninh.

9. Công tác y tế

a) Nội dung

Tuyên truyền giáo dục về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em; chăm sóc răng miệng, tẩy giun, phòng chống bệnh dịch theo mùa và dịch cúm ở gia cầm, bệnh tay chân miệng, viêm đường hô hấp cấp.

b) Giải pháp

Đoàn, Đội, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tuyên truyền giáo dục cho học sinh về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em; chăm sóc răng miệng, tẩy giun, phòng chống bệnh dịch theo mùa và dịch cúm ở gia cầm, bệnh tay chân miệng, viêm đường hô hấp cấp, lồng ghép trong các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, trong các môn học chính khóa, ngoài giờ lên lớp,...

Chỉ đạo nhân viên Y tế xây dựng Kế hoạch tuyên truyền đến toàn thể CBGVNV và HS phòng chống bệnh dịch theo mùa và dịch cúm ở gia cầm, bệnh tay chân miệng,

viêm đường hô hấp; Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học năm học 2025-2026; Xây dựng Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh và các phương án xử trí khi có các trường hợp dịch bệnh xảy ra.

Phối hợp với trạm Y tế xã Nậm Kè tổ chức chăm sóc răng miệng, cho học sinh uống thuốc tẩy giun theo quy định.

Thực hiện theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học.

10. Công tác lao động, bảo quản cơ sở vật chất

a) Nội dung

- Lao động xây dựng môi trường cảnh quan theo tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trường xanh - sạch - đẹp

Tiếp tục chăm sóc hệ thống cây xanh, thăm cây, tu sửa hệ thống bồn hoa tạo cảnh quan theo tiêu chuẩn trường xanh - sạch - đẹp.

Xây dựng kế hoạch lao động, vệ sinh phù hợp với thực tế đơn vị, vừa sức với HS. Thường xuyên tổ chức hoạt động "Một phút sạch trường".

- Trang trí trường, lớp theo quy định

Thực hiện việc trang trí trường lớp theo quy định (trang trí đẹp, bày trí khoa học các lớp học và phòng làm việc của nhà trường).

- Xây dựng CSVC và bảo quản tài sản trường học; Các quy định và nền nếp giữ gìn bảo quản tài sản, CSVC (sách giáo khoa, bàn ghế, lớp học...)

Thực hiện tốt việc bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất trường lớp sách giáo khoa, thiết bị, đồ dùng không để hiện tượng hư hỏng mất mát (Xây dựng nội quy, nền nếp thực hiện, bảo quản, giao tài sản cho từng cá nhân phụ trách. Kịp thời phát hiện sử lý sai phạm...).

Thực hiện phong trào quyên góp sách giáo khoa, tài liệu học tập tặng bạn nghèo để huy động, giúp học sinh có đầy đủ sách học tập, giúp thư viện nhà trường có thêm nguồn sách, tài liệu bổ sung hằng năm.

- Lao động phòng chống thiên tai, hoả hoạn

Xây dựng kế hoạch thực hiện và làm tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, giáo viên, học sinh về phòng chống hoả hoạn, thiên tai, đuối nước, đề phòng cháy nổ trong sinh hoạt và đặc biệt là trong các ngày lễ tết.

Thực hiện phát cây, tỉa cành đối với hàng cây bóng mát, tránh chạm vào cột điện, đường dây cao thế, đặc biệt là mùa mưa bão...

b) Giải pháp

Chỉ đạo Ban quản lý lao động của trường xây dựng kế hoạch lao động và bảo quản CSVC trường lớp; Duy trì thực hiện lao động 01 buổi/tuần đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Có kế hoạch huy động nguồn đóng góp của phụ huynh và cán bộ, giáo viên để tôn tạo trường lớp ngày một khang trang, sạch đẹp.

11. Công tác xã hội hoá giáo dục, công tác khuyến học

a) Nội dung

- Công tác xã hội hoá giáo dục

Tuyên truyền sâu rộng tới mọi người dân và các cấp ngành về chủ trương đường lối Đảng và Nhà nước về công tác xã hội hoá giáo dục.

Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội cùng các đoàn thể ở địa phương có trách nhiệm giáo dục học sinh.

Tranh thủ sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội ủng hộ sự nghiệp giáo dục.

Xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài để khen thưởng HS, nhân rộng gương hiếu học, vượt khó vươn lên...

- Hoạt động của hội cha mẹ học sinh

Duy trì thực hiện tốt các cuộc họp CMHS định kỳ; tổ chức Đại hội CMHS để kiện toàn BDDCMHS trường.

Tham mưu, phối kết hợp với các cấp, các ngành và hội cha mẹ học sinh xây dựng xã hội học tập, tranh thủ sự ủng hộ của các cấp các ngành và mọi tầng lớp nhân dân ủng hộ cho sự nghiệp giáo dục của nhà trường.

Tuyên truyền đến mọi nhà, mọi ngành có ý thức chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

- Công tác khuyến học

Kiện toàn ban chỉ đạo công tác khuyến học của trường. Xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học.

Động viên, khuyến khích phụ huynh xây dựng quỹ khuyến học để khen thưởng những học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, ủng hộ học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Xây dựng phong trào gia đình hiếu học.

b) Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức CMHS và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn về nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ tới việc giáo dục con em. Tích cực phổ biến, tuyên truyền Chỉ thị nhiệm vụ năm học các cấp và kế hoạch nhiệm vụ năm học của nhà trường để CMHS nắm bắt và đồng thuận.

Tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã Nậm Kè về công tác giáo dục để được quan tâm tạo điều kiện và cùng phối hợp chăm lo, giáo dục học sinh và làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Tổ chức họp phụ huynh HS ngay từ đầu năm học, thành lập BDDCMHS, thông báo kế hoạch, cam kết cùng thực hiện với nhà trường.

Thường xuyên chăm lo đến các gia đình chính sách, các đối tượng con hộ nghèo, trẻ mồ côi. Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, tạo niềm tin cho nhân dân địa phương.

VIII. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO CỦA BAN GIÁM HIỆU

a) Nội dung

- Phân công nhiệm vụ của Ban giám hiệu

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý chỉ đạo chung các hoạt động của nhà trường.

Phó hiệu trưởng nhà trường phụ trách công tác chuyên môn, phổ cập, thống kê, ứng dụng CNTT.

Giao nhiệm vụ cho các tổ chức đoàn thể nhà trường phối hợp thực hiện.

- *Các nội dung kiểm tra đánh giá*

Kiểm tra CB, GV, NV trong việc thực hiện nề nếp, nội quy của trường lớp.

Kiểm tra về trình độ nghiệp vụ sư phạm (Nắm yêu cầu chương trình, nội dung giảng dạy, kiến thức, kỹ năng cần xây dựng cho học sinh).

Thực hiện nội quy, quy chế chuyên môn (Chương trình kế hoạch giảng dạy, bài soạn, kiểm tra và chấm chữa bài theo qui định; mượn và sử dụng đồ dùng dạy học; kiểm tra hồ sơ chuyên môn, tự bồi dưỡng và tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện quy định về dạy và học thêm...). Tổ chức kiểm tra chất lượng giáo dục của học sinh 01 lần/tháng.

Kiểm tra các nghiệp vụ khác: Kiểm tra việc thực hiện các cuộc vận động; các phong trào lớn của ngành; hoạt động đoàn thể; công tác chủ nhiệm,...

b) Giải pháp

Tổ chức quản lý, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên; theo điều lệ trường tiểu học; theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng trường tiểu học.

Thường xuyên cập nhật, nắm bắt các văn bản, triển khai tới cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường kịp thời, chính xác.

Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện một thường xuyên, khách quan, công bằng, cùng nhau rút kinh nghiệm, có đánh giá, nhận xét.

Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, thường xuyên theo kế hoạch kiểm tra nội bộ các nội dung giáo dục của nhà trường.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu nhà trường

Nghiên cứu đầy đủ, kịp thời các Chỉ thị, Quyết định và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp trên làm căn cứ, định hướng xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học của đơn vị.

Chỉ đạo, phối hợp xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đơn vị.

Tổ chức triển khai tới 100% CB, GV, NV và CMHS; Trao đổi, mạn đàm về các chỉ tiêu đăng ký thi đua, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện trong năm học.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể nhà trường.

Chỉ đạo sơ kết học kỳ, tổng kết năm học để đánh giá, rút kinh nghiệm công tác; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng CB, GV, NV và HS nhà trường.

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT: Thông tin chung về cơ sở giáo dục; về thu chi tài chính; Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông; Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông.

- Cách thức công khai: Thực hiện theo Điều 14 của Thông tư 09/2024.

- Thời gian công khai: Thực hiện theo Điều 15 của Thông tư 09/2024.

2. Các tổ chức, đoàn thể

Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với Điều lệ và chức năng hoạt động của tổ chức.

Phối kết hợp chặt chẽ với BGH nhà trường trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026 của đơn vị.

Tham gia đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng và xử lý sai phạm của GV và HS trong việc thực thi nhiệm vụ công tác được giao.

3. Các tổ trưởng chuyên môn

Triển khai, quán triệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của nhà trường tới các thành viên của tổ.

Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học chi tiết, cụ thể từng kỳ, từng tháng, tuần và đôn đốc các thành viên thực hiện nghiêm túc.

Thường xuyên báo cáo BGH nhà trường về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường PTDT bán trú tiểu học Nậm Kè số 1/.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Phòng VH-XH xã Nậm Kè (b/c);
- Cán bộ QL, GV, NV trường (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hồng

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-THNK1 ngày 03/9/2025
của Trường PTDTBT TH Nậm Kè số 1)

Tháng	Chủ đề thi đua	Nội dung công việc chính	Mốc thời gian	Bổ sung
8	Chào mừng năm học mới	- Chuẩn bị cơ sở vật chất cho năm học mới	01-31/8/2025	
		- Tham gia bồi dưỡng chính trị	18/8/2025	
		- Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	15/8/2025	
		- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, văn phòng	15/8/2025	
		- Tập huấn sử dụng hồ sơ điện tử cho CBQL, GV, NV	29/8/2025	
		- Xây dựng Kế hoạch xét duyệt chế độ chính sách cho học sinh	20/8/2025	
		- Xây dựng nội quy, quy chế chuyên môn	4/8/2025	
		- Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch môn học và các hoạt động GD	22/8/2025	
9	Truyền thống nhà trường	- Tựu trường	03/9/2025	
		- Khai giảng năm học	05/9/2025	
		- Ban hành các Quyết định liên quan đến công tác Bán trú	05/9/2025	
		- Thực hiện chương trình học kỳ I từ tuần 1 đến tuần 3.	08/9-26/9/2025	
		- Xét duyệt chế độ chính sách học sinh	17/9/2025	
		- Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học	3/9/2025	
		- Hoàn thiện hồ sơ sổ sách và đăng kí đề tài sáng kiến kinh nghiệm	9/2025	
		- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học	9/2025	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	26/9/2025	
		- Hoàn thiện hồ sơ duy trì chuẩn PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2	30/9/2025	
		- Họp phụ huynh học sinh đầu năm học	9/2025	
		- Khảo sát chất lượng học sinh đầu năm	9/2025	
		- Thực hiện chương trình từ tuần 4 đến tuần 8	29/9-31/10/2025	

10	Vòng tay bè bạn	- Bàn giao chất lượng học sinh đầu năm	10/2025	
		- Triển khai làm ĐDDH	4/10/2025	
		- Triển khai đề cương đề tài SKKN	11/10/2025	
		- Thao giảng vòng trường lần 1	14-31/10/2025	
		- Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch	10/2025	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	24/10/2025	
		- Triển khai các cuộc thi đến học sinh: IOE, Trạng nguyên tiếng Việt	10/2025	
		- Đón đoàn kiểm tra duy trì kết quả PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2 (cấp xã)	10/2025	
11	Yêu quý thầy cô	- Thực hiện chương trình từ tuần 9 đến tuần 12	03/11-28/11/2025	
		- Kiểm tra giữa học kỳ I	06/11/2025	
		- Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	18-20/11/2025	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	11/2025	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	21/11/2025	
		- Kiểm tra chất lượng HS tháng	11-15/11/2025	
		Tổ chức cuộc thi tiếng Anh IOE trên Internet cấp trường	27/11-29/11/2025	
12	Uống nước nhớ nguồn	- Thực hiện chương trình từ tuần 13 đến tuần 17	01/12-02/01/2026	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	12/2025	
		Tổ chức cuộc thi Trạng nguyên tiếng Việt cấp trường	02/12-06/12/2025	
		- Kiểm tra duy trì kết quả PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2 (cấp tỉnh)	12/2025	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	26/12/2025	
		- Ra đề kiểm tra cuối học kỳ I	08/12-13/12/2025	
		- Kiểm tra định kì cuối học kỳ I	16/12-19/12/2025	
		- Thực hiện chương trình từ tuần 18 đến tuần 21	05/01-31/01/2026	
		- Thống kê chất lượng học kỳ I	01/2026	

01	Em yêu Tổ quốc Việt Nam	- Hoàn thiện hồ sơ, báo cáo. Sơ kết học kỳ I	14-15/01/2026	
		- Tái giảng học kỳ 2. Thực hiện chương trình từ tuần 19	19/01/2026	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	23/01/2026	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	01/2026	
		Tham gia cuộc thi tiếng Anh IOE trên Internet cấp xã	08/01-10/01/2026	
		Tham gia cuộc thi Trạng Nguyên tiếng Việt cấp trường	06/01-09/01/2026	
02	Ngày Tết quê em	- Thực hiện chương trình từ tuần 22 đến tuần 24	02/02-27/02/2026	
		- Nghỉ tết Nguyên đán	13/02-22/02/2026	
		- Kiểm tra chất lượng tháng	18,19/02/2026	
		- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp trường	20/02/2026	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	25/02/2026	
3	Yêu quý bà, mẹ và cô giáo	- Thực hiện chương trình từ tuần 25 đến tuần 28.	02/3-27/3/2026	
		- Tổ chức hội thi giao lưu tiếng việt cấp trường	3/2026	
		- Thao giảng vòng trường lần 2	10- 21/3/2026	
		- Xét bổ sung các chế độ chính sách HS	3/2026	
		- Ra đề kiểm tra giữa kỳ II	13/3/2026	
		- Kiểm tra giữa học kỳ II	18/3/2026	
		- Tổ chức SHCM cấp trường	20/3/2026	
		- Tổ chức các hoạt động VH,VN nhân ngày 8/3; 26/3	8-9/3/2026	
		Tham gia cuộc thi tiếng Anh IOE trên Internet cấp tỉnh	05/3-07/3/2026	
		Tham gia cuộc thi Trạng nguyên tiếng Việt cấp tỉnh	10/3-14/3/2026	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	3/2026	
		- Kiểm tra chất lượng HS tháng	17-20/3/2026	
		- Thực hiện chương trình từ tuần 29 đến tuần 32	30/3-29/4/2026	
		- Tổ chức SHCM cấp trường	24/4/2026	

4	Hoà bình và Hữu nghị	- Kiểm tra chất lượng HS tháng	14-17/4/2026	
		- Chấm SKKN cấp trường	4/2026	
		- Tham gia cuộc thi Trạng nguyên tiếng Việt cấp Quốc gia	04/4-05/4/2026	
		- Tham gia cuộc thi tiếng Anh IOE trên Internet cấp Quốc gia	09/4-10/4/2026	
		- Kiểm tra nội bộ trường học theo kế hoạch	4/2026	
5	Nhớ ơn Bác Hồ	- Thực hiện chương trình từ tuần 33 đến tuần 35	04/5-22/5/2026	
		- Ra đề kiểm tra cuối học kỳ II	20/4-25/4/2026	
		- Kiểm tra cuối năm	12/5-15/5/2026	
		- Tổ chức SHCM cấp trường	22/5/2026	
		- Xét lên lớp và HTCTTH cho HS	28/5/2026	
		- Kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ chuyên môn cuối năm học	28/5/2026	
		- Tổng hợp báo cáo cuối năm học	5/2026	
		- Đánh giá viên chức cuối năm	29/5/2026	
		- Bình xét thi đua cuối năm	29/5/2026	
		- Tổng kết năm học, tổng kết thi đua	29/5/2026	

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-THNK1 ngày 03/9/2025
của trường PTDT bán trú tiểu học Nậm Kè số 1)

Biểu số: 01-HKI

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 1				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	216	180	126	126	126
Toán	54	90	90	90	90
Tiếng Anh	0	0	72	72	72
Đạo đức	18	18	18	18	18
Tự nhiên - Xã hội	36	36	36	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	36	36
Khoa học	0	0	0	36	36
Tin học	0	0	18	18	18
Công Nghệ	0	0	18	18	18
Giáo dục thể chất	36	36	36	36	36
Nghệ thuật (Âm nhạc)	18	18	18	18	18
Nghệ thuật (Mỹ Thuật)	18	18	18	18	18
Hoạt động trải nghiệm	54	54	54	54	54
Tăng cường tiếng Việt	18	18	18	0	0
Đọc sách tại thư viện	18	18	18	18	18
Giáo dục địa phương	12	12	12	12	12
Tổng số tiết môn học và hoạt động giáo dục/học kỳ 1	498	498	552	570	570
B. Hoạt động củng cố, tăng cường					
Toán *	36	36	0	0	0
Tiếng Việt *	36	36	24	6	6
Tổng số tiết củng cố, tăng cường	72	72	24	6	6

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-THNK1 ngày 03/9/2025
của trường PTDT bán trú tiểu học Nậm Kè số 1)

Biểu số: 02-HKII

A. Môn học và hoạt động giáo dục	Số tiết/học kỳ 2				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt	204	170	119	119	119
Toán	51	85	85	85	85
Tiếng Anh	0	0	68	68	68
Đạo đức	17	17	17	17	17
Tự nhiên - Xã hội	34	34	34	0	0
Lịch sử và Địa lí	0	0	0	34	34
Khoa học	0	0	0	34	34
Tin học	0	0	17	17	17
Công nghệ	0	0	17	17	17
Giáo dục thể chất	34	34	34	34	34
Nghệ thuật (Âm nhạc)	17	17	17	17	17
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	17	17	17	17	17
Hoạt động trải nghiệm	51	51	51	51	51
Tăng cường tiếng Việt	17	17	17	0	0
Đọc sách tại thư viện	17	17	17	17	17
Giáo dục địa phương	10	10	10	10	10
Tổng số tiết học môn học và hoạt động giáo dục/học kỳ 2	469	469	520	537	537
B. Hoạt động củng cố, tăng cường					
Toán *	34	34	0	0	0
Tiếng Việt *	34	34	24	7	7
Tổng số tiết củng cố, tăng cường	68	68	24	7	7

*** Lưu ý:**

Căn cứ tình hình thực tế, nhà trường sắp xếp thời khoá biểu đảm bảo đúng, đủ số môn học và số tiết học theo chương trình các môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động vui chơi tập thể ở sân trường trong các giờ ra chơi được tổ chức linh hoạt, sinh động, bằng nhiều hình thức phong phú nhưng phải gọn nhẹ, tránh quá tải cho học sinh.

Thời gian cho mỗi tiết học là 35 phút, mỗi buổi học không quá 4 giờ (245 phút). Thời gian nghỉ chuyển tiết, nghỉ vui chơi, thể dục giữa giờ, tổ chức kiểm tra định kỳ trong năm học của các khối lớp được Hiệu trưởng quy định.

DANH MỤC
SÁCH GIÁO KHOA HỌC SINH CẤP TIỂU HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-THNK1 ngày 03/9/2025
của trường PTDT bán trú tiểu học Nậm Kè số 1)

Biểu số: 03

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 4 (tập 1,2)	Tiếng Việt 5 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
Tự nhiên xã hội 1	Tự nhiên xã hội 2	Tự nhiên xã hội 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

**BIỂU CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CÁC MẶT GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025 -2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 08/KH-THNK1 ngày 03/9/2025
của trường PTDT bán trú tiểu học Nậm Kè số 1)

Biểu số: 04

1. Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng		
Tổng số học sinh		53		83		72		99		86		393		
HS Khuyết tật		1		0		0		1		1		3		
HS được đánh giá		52		83		72		98		85		390		
Môn học		MĐ Đ	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %
1. Tiếng Việt	HTT	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	25	29,4	137	35,1	
	HT	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	60	70,6	249	63,9	
	CHT	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1	
2. Toán	HTT	23	44,2	36	43,4	30	41,7	32	32,7	27	31,8	148	38	
	HT	29	55,8	47	56,6	40	55,5	64	65,3	58	68,2	238	61	
	CHT	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1	
3. Ngoại ngữ	HTT					28	38,9	30	30,6	24	28,2	82	32,2	
	HT					42	58,3	66	67,4	61	71,8	169	66,2	
	CHT					2	2,8	2	2	0	0	4	1,6	
4. Đạo đức	HTT	25	48,0	40	48,2	33	45,8	35	35,7	35	41,2	168	43,1	
	HT	27	52,0	43	51,8	39	54,2	63	64,3	50	58,8	222	56,9	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. TN&XH	HTT	23	44,2	35	42,2	30	41,7					88	42,5	
	HT	29	55,8	48	57,8	42	58,3					119	57,5	
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0	
Ng hệ thu ật	6. Âm nhạc	HTT	22	42,3	33	39,8	30	41,7	30	30,6	30	35,3	145	37,2
		HT	30	57,7	50	60,2	42	58,3	68	69,4	55	64,7	245	62,8
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	7. Mĩ Thuật	HTT	21	40,4	33	39,8	29	40,3	30	30,6	31	36,5	144	36,9
		HT	31	59,6	50	60,2	43	59,7	68	69,4	54	63,5	246	63,1
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. GDTC	HTT	23	44,2	36	43,4	30	41,7	30	30,6	37	43,5	156	40	
	HT	29	55,8	47	56,6	42	58,3	68	69,4	48	56,5	234	60	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. HĐTN	HTT	22	42,3	35	42,2	29	40,3	32	32,6	37	43,5	155	39,7	
	HT	30	57,7	48	57,8	43	59,7	66	67,4	48	56,5	235	60,3	
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10. Tĩ n học	Tin học	HTT				28	38,9	30	30,6	25	29,4	83	32,5	
		HT				44	61,1	68	69,4	60	70,6	172	67,5	

	Công nghệ	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
		HTT					29	40,3	32	32,6	37	43,5	98	38,4
		HT					43	59,7	66	67,4	48	56,5	157	61,6
		CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
11. Khoa học		HTT							34	34,7	32	37,6	66	36,1
		HT							64	65,3	53	62,4	117	63,9
		CHT							0	0	0	0	0	0
12. Lịch sử & Địa lí		HTT							30	30,6	28	32,9	58	31,7
		HT							68	69,4	57	67,1	125	68,3
		CHT							0	0	0	0	0	0

2. Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Tổng số HS		53		83		72		99		86		393	
HS Khuyết tật		1		0		0		1		1		3	
HS được đánh giá		52		83		72		98		85		390	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	25	48,0	40	48,2	34	47,2	35	35,7	54	63,5	188	48,2
	Đạt	27	52,0	43	51,8	38	52,8	63	65,3	31	36,5	202	51,8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	Tốt	23	44,2	38	45,8	33	45,8	34	34,7	45	52,9	173	44,4
	Đạt	29	55,8	45	54,2	39	54,2	64	65,3	40	47,1	217	55,6
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	Tốt	22	42,3	35	42,2	34	47,2	35	35,7	36	42,4	162	41,5
	Đạt	30	57,7	48	57,8	38	52,8	63	65,3	49	57,6	228	58,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	23	44,2	38	45,8	32	44,4	38	38,8	38	44,7	169	43,3
	Đạt	29	55,8	45	54,2	40	55,6	60	61,2	47	55,3	221	56,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	25	48,0	38	45,8	33	45,8	34	34,7	42	49,4	172	44,1
	Đạt	27	52,0	45	54,2	39	54,2	64	65,3	43	50,6	218	55,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

3. Những năng lực cốt lõi

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
TS học sinh	53	83	72	99	86	393
HS Khuyết tật	1	0	0	1	1	3

<i>HS được đánh giá</i>		52		83		72		98		85		390	
Năng lực	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
Năng lực chung													
1. Tự chủ và tự học	Tốt	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	29	34,1	141	36,2
	Đạt	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	56	65,9	245	62,8
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	23	44,2	35	42,2	30	41,7	31	31,6	26	30,6	145	37,2
	Đạt	29	55,8	48	57,8	40	55,5	65	66,4	59	69,4	241	61,8
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	21	40,4	35	42,2	28	38,9	30	30,6	25	29,4	139	35,6
	Đạt	31	59,6	48	57,8	42	58,3	66	67,4	60	70,6	247	63,4
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
- Năng lực đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	25	29,4	137	35,1
	Đạt	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	60	70,6	249	63,9
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
2. Tính toán	Tốt	23	44,2	36	43,4	30	41,7	32	32,7	27	31,8	148	38
	Đạt	29	55,8	47	56,6	40	55,5	64	65,3	58	68,2	238	61
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
3. Khoa học	Tốt	23	44,2	35	42,2	30	41,7	34	34,7	32	37,6	154	39,5
	Đạt	29	55,8	48	57,8	42	58,3	64	65,3	53	62,4	236	60,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Thẩm mĩ	Tốt	21	40,4	33	39,8	29	40,3	30	30,6	31	36,5	144	36,9
	Đạt	31	59,6	50	60,2	43	59,7	68	69,4	54	63,5	246	63,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	23	44,2	36	43,4	30	41,7	30	30,6	37	43,5	156	40
	Đạt	29	55,8	47	56,6	42	58,3	68	69,4	48	56,5	234	60
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Công	Tốt					29	40,3	32	32,7	37	43,5	98	38,4

nghệ	Đạt					43	59,7	66	67,3	48	56,5	157	61,6
	CCG					0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tin học	Tốt					28	38,9	30	30,6	25	29,4	83	32,5
	Đạt					44	61,1	68	69,4	60	70,6	172	67,5
	CCG					0	0	0	0	0	0	0	0